

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày 26 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Đào Xuân Đ, sinh ngày 21 tháng 8 năm 19..., tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh H vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 07/11/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Bị hại: Anh Đặng Văn C; sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Anh Phạm Văn T; sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Anh Đặng Thái T; sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2) Anh Phạm Hữu Đ; sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Những người làm chứng:

1) Anh Lê Việt H sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2) Anh Lương Thanh T; sinh năm: 19...; địa chỉ: ..., thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3) Anh Dương Văn T; sinh năm: 1988...; địa chỉ: ..., thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tìm người lái xe ô tô đưa mình lên thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh để ăn cưới, Đào Xuân Đ nhờ bạn mình là Lê Việt H tìm người có giấy phép lái xe ô tô để chở mình, H gọi cho anh Phạm Hữu Đ. Sau khi được H giới thiệu, Đ gặp Đ thỏa thuận trả tiền công lái xe cho anh Đ là 1.200.000đ/ngày, anh Đ Đồng ý. Khoảng 18 giờ ngày 24/8/2018, Đ và anh Đ đến Công ty TNHH MTV Cơ khí ô tô Hoàng Gia (gọi tắt là Công ty Hoàng Gia) tại tổ 2, khu 7, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí do anh Đặng Thái T là chủ sở hữu để thuê xe ô tô tự lái. Tại đây, Đ và anh Đ ký hợp đồng thuê 01 xe ô tô hiệu Honda Civic biển kiểm soát 30H-5751, thời gian thuê 01 ngày (từ 18 giờ ngày 24/8/2018 đến 18 giờ ngày 25/8/2018), giá tiền là 800.000 đồng/01 ngày với Công ty Hoàng Gia (xe ô tô là của anh Đặng Văn C góp với công ty Hoàng Gia để cho thuê theo hợp đồng góp vốn ngày 15/8/2018). Giấy tờ và tài sản thế chấp lại cho Công ty Hoàng Gia là 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là bà Nguyễn Thị Thanh H (mẹ của Đ), 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade anh Đ sử dụng đi đến cùng giấy đăng ký xe. Sau đó, theo yêu cầu của Đ anh Đ điều khiển xe ô tô chở Đức đến quán cầm đồ thuộc thôn Đạm Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, Đ đã cầm cố chiếc xe trên cho anh Phạm Văn T lấy số tiền 29.000.000 đồng, Đ đưa cho anh Đ 16.000.000 đồng để về lấy xe mô tô đã thế chấp tại Công ty Hoàng Gia, còn lại 13.000.000 đồng Đ dùng để chơi trò chơi điện tử máy “bắn cá” do Dương Văn T làm chủ hết 11.000.000 đồng, còn lại Đ chi tiêu cá nhân hết, không trả được nợ cho Phạm Văn T, không trả lại được xe ô tô cho anh C.

Sau khi biết Đức cầm cố xe ô tô cho Phạm Văn T, khoảng 24 giờ ngày 24/8/2018 anh Đ đã gọi điện báo cho anh T biết. Ngày 26/8/2018 anh Đ đến Công an thị xã Đông Triều trình báo sự việc trên và nộp lại số tiền 16.000.000 đồng. Ngày 27/8/2018, anh Phạm Văn T đã giao nộp chiếc xe ô tô trên cho Công an thị xã Đông Triều. Ngày 01/9/2018, anh Đặng Văn C có đơn trình báo đến Công an thị xã Đông Triều. Ngày 03/9/2018, anh Đặng Thái T có đơn trình báo đến Công an thành phố Uông Bí. Ngày 07/11/2018 Đ bị Công an thành phố Uông Bí bắt tạm giam.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 80 ngày 12/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí kết luận: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, màu sơn đen, biển kiểm soát 30H-5751, đã qua sử dụng trị giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngày 19/11/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho anh Đặng Thái T và trả lại các giấy tờ xe ô tô trên cho anh Đặng Văn C là chủ sở hữu xe. Ngày 24/01/2019, Cơ quan điều tra trả lại anh Phạm Văn T số tiền 16.000.000 đồng đã thu giữ từ anh Phạm Hữu Đ.

Ngày 22/01/2019, gia đình bị cáo Đ đã thỏa thuận bồi thường cho Công ty Hoàng Gia (chủ sở hữu là anh Đặng Thái T) và anh Đặng Văn C (chủ sở hữu xe ô tô) số tiền 40.000.000 đồng do thiệt hại vì xe ô tô bị tạm giữ để điều tra không thể cho thuê.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đào Xuân Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cơ bản như nội dung trên. Sau khi thuê được xe ô tô, Đ yêu cầu anh Đ điều khiển xe chở mình đến xã Trảng An, thị xã Đông Triều gặp anh Phạm Văn T. Đúc đặt vấn đề với T cầm cố xe ô tô để vay tiền, T hỏi Đ về nguồn gốc xe thì Đ trả lời *“xe của nhà, giấy tờ gốc bố mẹ giữ, ở đây chỉ có giấy tờ công chứng”*. Do tin Đ nên T đồng ý cho Đ vay số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, Đ đưa cho anh Đ 16.000.000 đồng. Còn Đ cầm 11.000.000 đồng. Đ chơi điện tử “bắn cá” hết. Chiều ngày 25/8/2018, Đ gọi điện cho T vay thêm 2.000.000 đồng rồi gọi xe taxi về và tiêu hết số tiền còn lại. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ ly hôn đã lâu, bị cáo ở với ông bà ngoại từ nhỏ, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại 40.000.000 đồng và hứa sẽ trả anh Phạm Văn T số tiền 13.000.000 đồng còn lại. Bị cáo biết lỗi của mình, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn điều tra, anh Đặng Văn C, anh Đặng Thái T và anh Phạm Hữu Đ khai báo toàn bộ sự việc cơ bản như nội dung trên. Anh T và anh C đã nhận được tiền bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh Đ cũng tự nguyện bồi thường cho anh T và anh C 10.000.000 đồng và không có ý kiến gì thêm.

Giai đoạn điều tra, nguyên đơn dân sự là anh Phạm Văn T khai báo bị cáo đã hỏi vay anh hai lần với tổng số tiền 29.000.000 đồng, anh đã nhận được 16.000.000 đồng do cơ quan Công an trả lại, anh có đơn yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả anh số tiền 13.000.000 đồng.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng khai báo toàn bộ sự việc cơ bản như nội dung trên.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSUB ngày 27 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Đào Xuân Đ, về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự). Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Tuyên bố: Bị cáo Đào Xuân Đ phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

(2) Áp dụng: khoản 3 Điều 175; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đào Xuân Đ từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 07/11/2018);

(3) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

(4) Áp dụng: các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Đào Xuân Đ phải hoàn trả cho anh Phạm Văn T số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi bị cáo chơi trò chơi điện tử “bắn cá” tại hiệu cầm đồ của anh Dương Văn T; sinh năm: 1988; địa chỉ: thôn Đạm Thủy, xã Thủy An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh: Quá trình chuẩn bị xét xử, ngày 26/3/2019 Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã ra thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ. Do anh T vắng mặt tại địa phương, Viện kiểm sát đã tiến hành xác minh, thu thập lý lịch cá nhân của anh T, lấy lời khai của anh Phạm Văn T và có văn bản trả lời Tòa án sẽ phối hợp với Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng đến hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ có văn bản kiến nghị riêng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đã viện dẫn nêu trên, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 24/8/2018, tại tổ 2, khu 7, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Đào Xuân Đ thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic biển kiểm soát 30H-5751 trị giá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) của anh Đặng Văn C góp vào Công ty TNHH MTV Cơ khí ô tô Hoàng Gia để kinh doanh rồi mang đi cầm cố lấy tiền ăn

tiêu dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ung Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật.

[4] Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.”...

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; có ông bà ngoại là những người có công với Nước, nuôi dưỡng bị cáo từ nhỏ, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến. Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[7] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, hậu quả của tội phạm đã được khắc phục, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án thấp dưới khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của Điều luật đã truy tố.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy bị cáo là lao

động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại. Anh Phạm Hữu Đ cũng đã bồi thường cho anh C và anh T. Các bên không có yêu cầu gì thêm. Xét thấy, đây là quan hệ dân sự, các bên tự nguyện thoả thuận không trái với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 175; các điểm b và s của khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); các điểm a và b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, các điểm a và c khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24, các khoản 2 và 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Xuân Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Đào Xuân Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 07/11/2018).

3. Buộc bị cáo Đào Xuân Đ phải trả cho anh Phạm Văn T số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Trường hợp bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Buộc bị cáo Đào Xuân Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NĐDS;
những NCQL, NVLQ;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm